

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÉ

TỔ CHỨC BÁN ĐẦU GIÁ

Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

Website: www.hsx.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

Địa chỉ: Quốc lộ 14, tổ 8, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại: (0271) 3667249 Fax: (0271) 3667260

Website: www.caosusongbe.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM

Địa chỉ: 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116 Fax: (028) 3820 0508

Website: www.vcbs.com.vn

Tp.Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2018



NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÉ

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.

Với tư cách là Tổ chức công bố thông tin và Tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé xin lưu ý rằng các nhà đầu tư nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày hoặc đưa ra trong các tài liệu liệt kê dưới đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé hiện thuộc sở hữu 100% vốn nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của nhà nước chiếm 64,967% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé hiện nay theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, góp phần hình thành Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé và quy định của pháp luật.

Số lượng cổ phần chào bán:	41.000.000 cổ phần, chiếm 33,316% vốn điều lệ
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	10.000 đồng/cổ phần
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

10046
ÔNG T
H.H.M
AO S
NG B
YH - T.B

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	7
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	7
II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	9
1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	9
2. Tổ chức phát hành	9
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước	9
4. Các tuyên bố có tính chất tương lai	10
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	11
PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	12
1. Giới thiệu về doanh nghiệp	12
2. Ngành nghề kinh doanh	14
3. Về cơ cấu tổ chức	14
4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Công ty	16
5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	16
6. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động	17
6.1. Thực trạng về lao động	17
6.2. Đánh giá về tình hình lao động của Công ty	18
6.3. Phương án sử dụng lao động	19
6.4. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2018-2020	20
7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	20
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	24
8.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2017	24
9. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	26
10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa	33
10.1. Sản phẩm kinh doanh chính	33
10.2. Nguyên vật liệu	33
10.3. Thị trường của Công ty	34
10.4. Chi phí	34

10.5. Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác	35
10.6. Kết quả sản xuất kinh doanh	35
10.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	36
10.8. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị	38
10.9. Hoạt động marketing	39
10.10. Hoạt động nghiên cứu và phát triển	39
10.11. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	39
10.12. Thuế và nộp ngân sách nhà nước	40
10.13. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	40
11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá: 41	
11.1. Dự báo giá cao su	41
11.2. Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022	43
11.3. Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022	44
11.4. Giải pháp thực hiện	47
PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	55
1. Mục tiêu cổ phần hóa	55
2. Yêu cầu cổ phần hóa	55
3. Hình thức cổ phần hóa	55
4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	55
5. Hình thức pháp lý	56
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	56
7. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa	56
8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	59
8.1. Vốn điều lệ	59
8.2. Quy mô vốn điều lệ	60
9. Cổ phần	61
10. Đối tượng mua cổ phần	61
11. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông	61

PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	63
1. Rủi ro về kinh tế.....	63
2. Rủi ro về luật pháp	63
3. Rủi ro của đợt chào bán.....	63
4. Rủi ro khác	63
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	63
I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	64
1. Đối tượng mua cổ phần.....	64
2. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên.....	64
3. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường	66
4. Phương án xử lý cổ phần không bán hết.....	66
5. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.....	66
PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	68
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	68
2. Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Cao su Sông Bé	68
3. Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá.....	68
KẾT LUẬN.....	69

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP);
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 -2020;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính, hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính, hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;
- Quyết định số 3284a/QĐ-BCĐ ngày 23/12/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;



- Công văn số 495/UBND-KTTH ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;
- Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;
- Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;
- Quyết định số 937/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước ngày 02/05/2018 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Sông Bé.
- Quyết định số 1447/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước ngày 25/06/2018 về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cao su Sông Bé.

30464-
NG TY
H.MTV
O SU
G B
- T.B

II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần****SỞ GIAO DỊCH CHỨNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Ho Chi Minh City Stock Exchange

Trụ sở : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 7713

Fax : (028) 3821 7452

Website : www.hsx.vn

2. Tổ chức phát hành**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÉ**

Tên tiếng Anh : Song Be Rubber One Member Company Limited

Tên viết tắt : SORUCO

Trụ sở : Quốc lộ 14, tổ 8, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Điện thoại : (0271) 3667249; (0271) 3640502

Fax : (0271) 3667260

Website : www.caosusongbe.vn

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : Vietcombank Securities Ltd – HCM City Branch

Tên viết tắt : VCBS

Địa chỉ : 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 8116

Fax : (028) 3820 0508

Website : www.vCBS.com.vn

4. Các tuyên bố có tính chất tương lai

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé về tương lai. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Mô hình tổ chức hoạt động sau cổ phần hóa;
- Cơ cấu vốn điều lệ;
- Kế hoạch chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa; kế hoạch và giải pháp thực hiện của Soruco cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, Soruco sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai.

Mặc dù Soruco tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng Soruco không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chắc chắn xảy ra.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, Soruco không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Công ty/Soruco: Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
- DTT: Doanh thu thuần
- MTV: Một thành viên
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TP: Thành phố
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VCBS: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÉ
- Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
- Tên tiếng Anh: SONG BE RUBBER ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên giao dịch: SORUCO
- Địa chỉ: Quốc lộ 14, tổ 8, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Điện thoại: (0271) 3667249; Fax: (0271) 3667260
- Website: www.caosusongbe.vn
- Logo:



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty là doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh. Công ty được thành lập theo Quyết định số 697/QĐ-UB ngày 16/6/1983 của UBND tỉnh Sông Bé (cũ).

Từ buổi đầu được bố trí ở khu vực Bàu Bàng, sau đó chuyển vào khu vực Nha Bích, sáp nhập thêm Nông trường quốc doanh Nha Bích và xây dựng cố định ở khu vực hiện nay. Lúc đầu chưa có vốn, phải vay các đơn vị bạn trong tỉnh và thực hiện liên kết với Tổng công ty Cao su Việt Nam để trồng 2.000 ha cao su nhưng luôn gặp khó khăn, không thể phát triển theo kế hoạch ban đầu mà theo khả năng cân đối vốn của Tổng công ty. Cuối năm 1992 trồng 1.781,1 ha cao su, tháng 5/1998 xây dựng nhà máy chế biến mủ công suất 3.000 tấn/năm, đến đầu năm 2002 đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy chế biến mủ lên 6.000 tấn/năm.

Tháng 6/1998 sáp nhập Lâm trường Phú Thành vào Công ty theo Quyết định số 1343/QĐ-UB ngày 05/6/1998 của UBND tỉnh với diện tích 7.897,0 ha rừng trồng, rừng khoanh nuôi và đất giao khoán cho dân sản xuất nông lâm nghiệp. Tháng 4/2002 UBND tỉnh ra Quyết định số 681/QĐ-UB ngày 23/4/2002 thu hồi 2.256 ha đất lâm nghiệp xâm canh lấn chiếm tại Ban quản lý rừng Tân Lập giao Công ty trồng rừng và 3.000 ha đất tại Ban quản lý rừng kinh tế Tân Lập và Suối Nhung giao Công ty trồng cao su.

Tháng 5/2008 UBND tỉnh chia tách Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước trực thuộc Tỉnh ủy, diện tích chuyển giao 2.789,7 ha, vốn đầu tư vườn cây cao su tại thời điểm chuyển giao 102.903 triệu đồng, số lao động chuyển giao 360 người.

Ngày 25/8/2008 UBND tỉnh ra Quyết định số 1746/QĐ-UBND chuyển giao Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp về Công ty với diện tích 12.007,0 ha.

Ngày 04/11/2008 UBND tỉnh ra Quyết định số 2375/QĐ-UBND sáp nhập Công ty Lâm nghiệp Bình Phước vào Công ty với diện tích 16.594,0 ha.

Năm 2008-2009 Công ty được giao nhiệm vụ triển khai dự án khu công nghiệp Sài Gòn Bình Phước 512 ha và dự án khu công nghiệp Becamex Bình Phước.

Ngày 01/7/2010 UBND tỉnh ra Quyết định số 1492/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Cao su Sông Bé thành Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.

Công ty đã vượt qua thời điểm khó khăn, hoàn thành vượt mức kế hoạch hằng năm, thực hiện đạt hiệu quả kinh doanh, thu nhập của người lao động luôn ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước và các khoản nộp cho người lao động, tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, tham gia làm tốt công tác xã hội và hoàn thành các nhiệm vụ khác. Với những thành quả đã đạt được Công ty đã vinh dự được Nhà nước tặng huân chương lao động hạng ba năm 1995, huân chương lao động hạng hai năm 2003 và huân chương lao động hạng nhất năm 2008.

Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, năm 2010 đổi mới và nâng cấp theo phiên bản 9001: 2008, năm 2015 đổi mới và nâng cấp theo phiên bản 9001: 2015 nhằm phục vụ tốt cho khách hàng và giữ uy tín thương hiệu sản phẩm.

Tổ chức Đảng: Từ khi mới thành lập Công ty có tổ chức Đảng trực thuộc Huyện ủy Chơn Thành, đến năm 2008 chuyển thành Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Năm 2016, Đảng bộ Công ty có 08 đảng bộ, chi bộ cơ sở và 09 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở. Tổng số đảng viên là 205 đồng chí, đảng viên nữ là 49 đồng chí, đảng viên là đoàn viên thanh niên 94 đồng chí, tôn giáo 02 đồng chí, dân tộc thiểu số là 13 đồng chí.

Về cơ sở hoạt động: năm 2016 Công ty có 2 Nông trường, 2 Nông lâm trường, quản lý diện tích cao su và diện tích rừng (rừng trồng và rừng tự nhiên) là 12.170,344 ha, 1 Nhà máy chế biến mủ công suất 6.000 tấn/năm, 1 Xí nghiệp cáp treo Bà Rá hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, 1 Xí nghiệp thu phí hoạt động khai thác giao thông theo dự án BOT và 7 phòng nghiệp vụ. Công ty đứng chân trên nhiều địa bàn trải dài từ thị xã Phước Long, huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp và xã Trừ Văn Thố huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương. Tổng số lao động 941 người, trong đó lao động trực tiếp 839 người (chiếm 89,16%); 330 lao động nữ (chiếm 35,06%).

Tổ chức công đoàn: năm 2016 Công ty có tổ chức công đoàn với 960 đoàn viên (trong đó: 941 đoàn viên là CB.CNVC-LĐ Công ty, 19 đoàn viên đang công tác tại BOT và Becamex Bình Phước), Đoàn TNCS HCM có 378 đoàn viên thanh niên, Hội CCB với 93 hội viên, Hội CTĐ với 865 hội viên.

Tại thời điểm 31/12/2016, mô hình tổ chức hoạt động Công ty theo công ty TNHH MTV gồm: Chủ tịch, Tổng giám đốc (là người đại diện theo pháp luật), Kiểm soát viên, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Phòng nghiệp vụ gồm có 7 phòng: Kế hoạch kinh doanh, Kế toán tài chính, Tổ chức hành chính, Kỹ thuật nông nghiệp, Lâm nghiệp, Quản lý

chất lượng, Bảo vệ. Đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm có 7 đơn vị: 2 Nông trường: Nha Bích, Lộc Thạnh; 2 Nông lâm trường: Bù Đốp, Nghĩa Trung; 1 Nhà máy chế biến mủ; 2 Xí nghiệp: Thu phí Tân lập, Cáp treo Bà Rá.

2. Ngành nghề kinh doanh

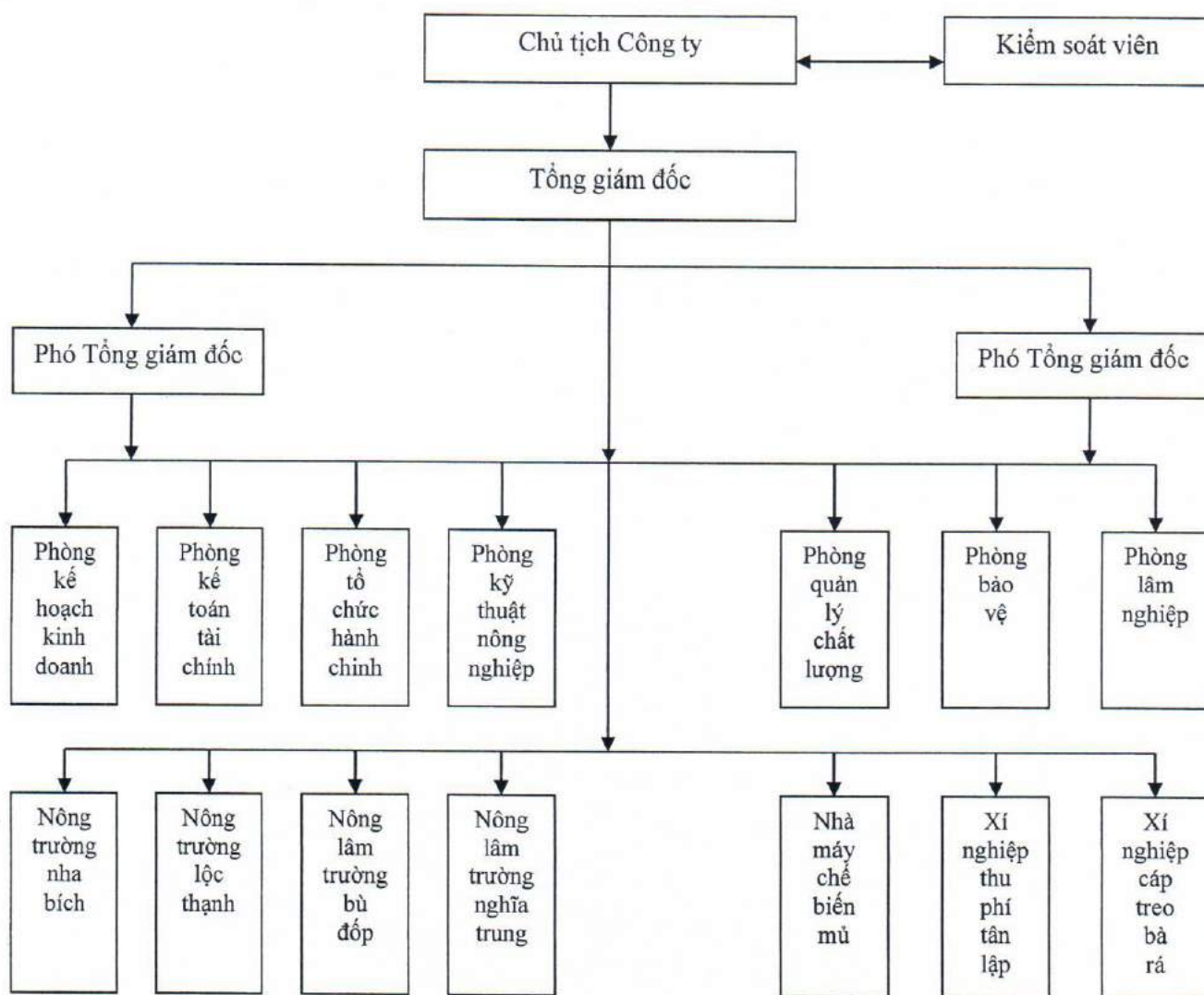
Ngành nghề kinh doanh được của Công ty được quy định tại Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3800100464 đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 22/5/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, cụ thể như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125 (chính)
2	Trồng cây lâu năm khác	0129
3	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
4	Khai thác gỗ	0221
5	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
6	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng gỗ nguyên sinh	2013
7	Xây dựng nhà các loại	4100
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp	4653
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : bán buôn cao su, phân bón, hóa chất, chất dẻo dạng nguyên sinh, tơ, xơ, sợi dệt, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669

3. Về cơ cấu tổ chức

Soruco có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Chủ tịch Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé



Nguồn: Soruco

4. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Công ty

4.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có.

4.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc, Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Công ty:

Danh sách các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Công ty tại thời điểm 01/01/2017:

Bảng 1: Danh sách đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm 01/01/2017:

Stt	Tên Công ty	Giá trị khoản đầu tư theo sổ sách kế toán tại 31/12/2016 (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
I	Công ty con (không có)		
II	Công ty liên doanh, liên kết		
1	Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư	48.600.000.000	30,00
III	Đầu tư tài chính dài hạn		
1	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bình Phước (*)	2.955.400.000	16,11

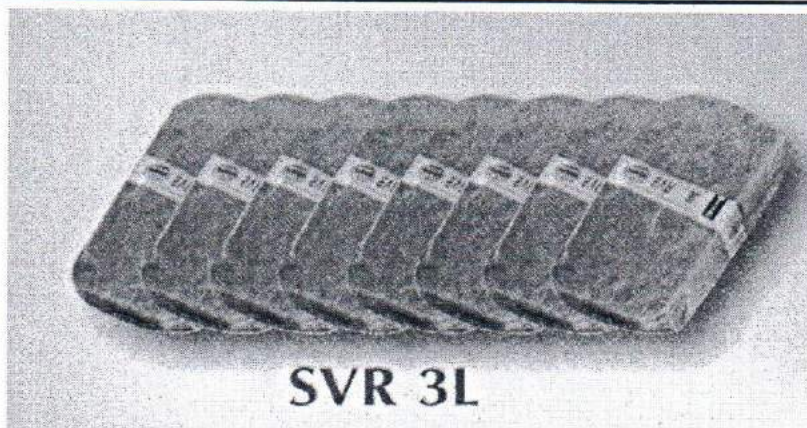
Nguồn: Công ty

(*) Công ty đã lập dự phòng 100% khoản đầu tư này.

5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là: trồng cây cao su, trồng cây lâu năm khác, đại lý thu mua cao su tiêu điền, trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác gỗ, khai thác lâm sản trù gỗ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Sản phẩm chủ lực hiện nay là mủ cao su thành phẩm SVR 3L mang thương hiệu SORUCO, sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 trên hệ thống dây chuyền sản xuất của GOLSTAR - Malaysia. Sản phẩm có chất lượng tốt được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng và được tặng nhiều giải thưởng như: Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng, Giải thưởng chất lượng năm 2006; Cúp vàng ISO năm 2007, năm 2008; Sản phẩm chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2008, Cúp vàng nông nghiệp 2009, Cúp tinh hoa Việt Nam 2009; Cúp vàng thương hiệu Việt WTO 2010. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và ISO/IEC 17025:2005.



Hình ảnh: sản phẩm Mủ SVR 3L do Ctv

Bảng 2: Chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm mủ SVR 3L do Công ty sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Theo TCVN (%)	Thực tế của nhà máy
1	Hàm lượng chất bần - max	0,03	0,015
2	Hàm lượng chất tro - max	0,5	0,2
3	Hàm lượng chất bay hơi	0,8	0,3
4	Hàm lượng đạm (N) - max	0,6	0,3
5	Độ dẻo ban đầu (Po) min	35	40
6	Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) - min	60	85
7	Chỉ số màu Lovibond - max	6	4

Nguồn: Công ty

6. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động

6.1. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Công ty có mặt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp lúc 0h ngày 01/01/2017 là 936 người, trong đó:

Bảng 3: Tình hình lao động của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2017

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ(%)
I	Phân loại theo giới tính	936	100
1	Nam	608	64,9
2	Nữ	328	35,1
II	Phân loại theo trình độ	936	100
1	Trình độ đại học và trên đại học	107	11,42
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	56	5,98
3	Khác	773	82,6

Nguồn: Công ty

6.2. Đánh giá về tình hình lao động của Công ty

✦ Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên có cơ hội học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn bằng các hình thức học như từ xa, tại chức, vừa làm vừa học. Trình độ bậc trung cấp và cao đẳng giảm vì lý do người lao động được Công ty tạo điều kiện cho học liên thông lên bậc đại học, qua đó giúp trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại học và sau đại học của người lao động được tăng lên qua các năm. Điều này đã động viên, khuyến khích CB-CNV, người lao động rất nhiều trong việc tích cực học tập, làm cho mọi người yên tâm cống hiến, gắn bó với Công ty nhiều hơn.

Với nguồn nhân lực có chất lượng, khả năng đáp ứng công việc ngày càng cao. Hiện tại trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý trong Công ty đa số đều tốt nghiệp trình độ đại học và trình độ chuyên môn về kỹ thuật khai thác cao su. Người lao động được Công ty tổ chức đào tạo lớp kỹ thuật khai thác mủ đều đặn hàng năm, trong đó có việc đào tạo lại tay nghề kỹ thuật khai thác mủ cho người lao động có tay nghề yếu.

✦ Về bố trí sử dụng lao động

Hợp đồng lao động thời vụ (dưới 03 tháng): được ký kết với người lao động đối với những trường hợp tạm thời thay thế người lao động tại Công ty nghỉ thai sản, bị ốm đau và tai nạn lao động, thực hiện các công việc thời vụ. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động được tính vào đơn giá tiền lương Công ty chi trả hàng tháng và người lao động tự đóng các chế độ bảo hiểm (do hợp đồng lao động thời vụ dưới 03 tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp).

Hợp đồng có thời hạn và không xác định thời hạn được Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ theo quy định của Nhà nước và Công ty không nợ tiền bảo hiểm của người lao động đối với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Công ty quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực. Công ty đã triển khai chương trình nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tay nghề cho công nhân và kỹ thuật viên theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm.

Nhìn chung, chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty được đánh giá là khá hữu hiệu.

✦ Về chính sách nhân sự

Công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch. Đến nay, Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh, đội ngũ công nhân có tay nghề, có kinh nghiệm, đầy tâm huyết, năng động và tương đối chuyên nghiệp; Chủ động quản lý, điều hành, làm chủ kỹ thuật, công nghệ.

Nhìn chung, tiềm năng nhân lực Công ty ở mức độ tốt và chính sách nhân sự của Công ty hiện nay được đánh giá là hữu hiệu.

6.3. Phương án sử dụng lao động

6.3.1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phương án lao động Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé như sau:

Bảng 4: Kế hoạch sắp xếp lao động của Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	972
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên)	3
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	266
3	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	703
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng (có tham gia bảo hiểm xã hội)	0
II	Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0
3	Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc	0
4	Lao động thời vụ hết hạn HĐLĐ	0
5	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0
III	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	972
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn (gồm cả thử việc)	972
2	Số lao động nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0

Nguồn: Soruco

6.3.2. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Soruco không có lao động dôi dư cần sắp xếp. Toàn bộ lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp sẽ được chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần

Căn cứ Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số

63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: "*Sau khi có quyết định phê duyệt sắp xếp lại công ty, công ty rà soát lại danh sách, dự kiến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ đối với người lao động dôi dư, hoàn thiện lại phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư; công khai phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư trong thời gian 05 ngày làm việc để người lao động kiểm tra, đối chiếu; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư*".

Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé sẽ rà soát lại lao động, xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ chính sách đối với lao động dôi dư; phối hợp với UBND tỉnh Bình Phước thẩm định lại phương án sử dụng lao động; công khai cho người lao động theo quy định (tối thiểu 5 ngày làm việc) để người lao động kiểm tra, đối chiếu trước khi hoàn thiện lại phương án sắp xếp lại lao động, trình UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt.

6.4. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2018-2020

Công ty không có nhu cầu đào tạo lại. Tất cả các cán bộ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần đều đáp ứng đủ yêu cầu làm việc

7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé do Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh thực hiện:
- Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé ký ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- Biên bản họp Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé ký ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ký ngày 25 tháng 12 năm 2017.
- Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.

Tại thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2017, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- + Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 1.154.274.377.745 đồng.
- + Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 628.127.681.721 đồng.

Bảng 5: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty
Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	881.843.409.620	1.049.145.634.931	167.302.225.311
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	683.535.877.652	825.357.397.282	141.821.519.630
1. Tài sản cố định	93.312.536.663	298.988.557.537	205.676.020.874
1.1. Tài sản cố định hữu hình	92.090.536.675	297.766.557.549	205.676.020.874
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.469.430.770	36.656.933.901	26.187.503.131
- Máy móc, thiết bị	1.197.757.478	6.236.324.876	5.038.567.398
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.070.422.224	6.457.717.743	4.387.295.519
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	0	344.120.000	344.120.000
- Vườn cây cao su kinh doanh	78.352.926.203	248.071.461.029	169.718.534.826
1.2. Tài sản cố định vô hình	1.221.999.988	1.221.999.988	0
- Giá trị quyền sử dụng đất	1.221.999.988	1.221.999.988	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	48.600.000.000	51.866.037.199	3.266.037.199
- Đầu tư tài chính dài hạn	51.555.400.000	51.866.037.199	310.637.199
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(2.955.400.000)	0	2.955.400.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	303.028.075.377	231.596.250.130	(71.431.825.247)
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	216.800.781.035	145.319.013.558	(71.481.767.477)
- Công trình xây dựng cơ bản dở dang	86.227.294.342	86.277.236.572	49.942.230
4. Các khoản phải thu dài hạn	50.823.855.455	54.943.300.555	4.119.445.100
- Các khoản phải thu dài hạn	54.943.300.555	54.943.300.555	0
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	(4.119.445.100)	0	4.119.445.100
5. Chi phí trả trước dài hạn	187.771.410.157	187.963.251.861	191.841.704
- Chi phí trả trước dài hạn	1.444.383.026	1.447.252.030	2.869.004

- Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị vào chi phí	0	188.972.700	188.972.700
- Tiền thuê đất trả một lần	186.327.027.131	186.327.027.131	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	198.307.531.968	198.307.532.211	243
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	95.518.000.620	95.518.000.863	243
- Tiền mặt tồn quỹ	533.526.757	533.527.000	243
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.984.473.863	10.984.473.863	0
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	0
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	69.844.270.010	69.844.270.010	0
3. Hàng tồn kho	30.676.839.202	30.676.839.202	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.268.422.136	2.268.422.136	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh	0	25.480.705.438	25.480.705.438
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng (I+II)	34.378.616.990	34.378.616.990	0
(Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)			0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	34.378.616.990	34.378.616.990	0
1. Tài sản cố định hữu hình	32.647.184.201	32.647.184.201	0
- Nhà cửa, vật kiến trúc	32.502.390.790	32.502.390.790	0
- Máy móc, thiết bị	126.709.695	126.709.695	0
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.083.716	18.083.716	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.731.432.789	1.731.432.789	0
- Chi phí tạo rừng sự nghiệp bảo vệ và nghĩa trung	1.731.432.789	1.731.432.789	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý (I+II)	67.524.293.370	67.524.293.370	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	67.524.293.370	67.524.293.370	0

1. Tài sản cố định hữu hình	67.524.293.370	67.524.293.370	0
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.350.383.410	5.350.383.410	0
- Máy móc, thiết bị	62.173.909.960	62.173.909.960	0
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	0	0	0
- Vườn cây cao su kinh doanh	0	0	0
2. Tài sản cố định vô hình	0	0	0
- Phần mềm quản lý	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	3.225.832.454	3.225.832.454	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	986.972.152.434	1.154.274.377.745	167.302.225.311
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	881.843.409.620	1.049.145.634.931	167.302.225.311
E1. Nợ thực tế phải trả	417.699.345.936	417.699.345.936	0
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	3.318.607.274	3.318.607.274	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	460.825.456.410	628.127.681.721	167.302.225.311

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

100464
VGT
+MTV
+SU
+BÉ
T.BÌNH P

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp
8.1. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2017
Bảng 6: Tình hình tài sản cố định Công ty
Đơn vị tính: Đồng

Stt	Loại tài sản	Số liệu sổ sách kế toán		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
A	Tài sản cố định đang dùng	168.525.379.634	75.212.842.971	93.312.536.663
1	Tài sản cố định hữu hình	167.225.379.634	75.134.842.959	92.090.536.675
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	41.353.064.648	30.883.633.878	10.469.430.770
	- Máy móc, thiết bị	19.745.248.617	18.547.491.139	1.197.757.478
	- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.601.556.012	10.531.133.788	2.070.422.224
	- Thiết bị, dụng cụ quản lý	278.510.000	278.510.000	0
	- Vườn cây cao su kinh doanh	93.247.000.357	14.894.074.154	78.352.926.203
2	Tài sản cố định vô hình	1.300.000.000	78.000.012	1.221.999.988
	- Giá trị quyền sử dụng đất	1.300.000.000	78.000.012	1.221.999.988
B	Tài sản cố định không cần dùng	95.512.333.915	61.133.716.925	34.378.616.990
1	Tài sản cố định hữu hình	93.780.901.126	61.133.716.925	32.647.184.201
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	92.024.060.806	59.521.670.016	32.502.390.790
	- Máy móc, thiết bị	1.105.826.684	979.116.989	126.709.695
	- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	651.013.636	632.929.920	18.083.716
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.731.432.789	0	1.731.432.789
	- Chi phí tạo rừng sự nghiệp bù đắp và nghĩa trung	1.731.432.789	0	1.731.432.789
C	Tài sản cố định chờ thanh lý	114.188.152.352	46.663.858.982	67.524.293.370
1	Tài sản cố định hữu hình	114.035.752.352	46.511.458.982	67.524.293.370
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.380.414.434	3.030.031.024	5.350.383.410
	- Máy móc, thiết bị	90.695.566.031	28.521.656.071	62.173.909.960

	- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	61.260.286	61.260.286	0
	- Vườn cây cao su kinh doanh	14.898.511.601	14.898.511.601	0
2	Tài sản cố định vô hình	152.400.000	152.400.000	0
	- Phần mềm quản lý	152.400.000	152.400.000	0
D	Tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	3.225.832.454	0	3.225.832.454
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.225.832.454	0	3.225.832.454
	Cộng	381.451.698.355	183.010.418.878	198.441.279.477

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 của Công ty.

H.N.H.

9. Tình hình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

9.1. Thực trạng về đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng

Bảng 7: Tổng hợp diện tích đất toàn Công ty

Chỉ tiêu phân loại	Diện tích (m ²)
Diện tích đất ở tỉnh Bình Dương	72.037,7
<i>Diện tích đất phi nông nghiệp đã cấp GCNQSD</i>	<i>72.037,7</i>
Diện tích đất ở tỉnh Bình Phước	232.056.999,2
Diện tích đất Công ty tiếp tục sử dụng	54.124.947,7
<i>Diện tích đất phi nông nghiệp đã cấp GCNQSD đất</i>	<i>390.652,2</i>
<i>Diện tích đất nông nghiệp đã cấp GCNQSD đất</i>	<i>18.778.260,6</i>
<i>Diện tích đất nông nghiệp chưa cấp GCNQSD đất</i>	<i>34.956.034,9</i>
Diện tích đất Công ty giao lại địa phương	177.932.051,5
<i>Diện tích đất nông nghiệp đã cấp GCNQSD đất</i>	<i>2.642.268,3</i>
<i>Diện tích đất nông nghiệp chưa cấp GCNQSD đất</i>	<i>217.784,0</i>
<i>Diện tích đất giao quản lý và đất chưa cấp GCNQSD đất</i>	<i>175.071.999,2</i>
Tổng cộng	232.129.036,9

Đánh giá về tình hình sử dụng đất

Trong các năm qua, Công ty đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2003 cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biến động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định.

9.2. Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa

Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

Bảng 8: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa

Bảng 8: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cơ phân nua

Đơn vị tính: m

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m2)	Hiện trạng sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần
PHẦN I	Diện tích đất ở tỉnh Bình Dương - Tiếp tục sử dụng	72.037,7				
1	Xã Trừ Văn Thố Huyện Bàu Bàng Tỉnh Bình Dương	72.037,7	Đất làm Nhà máy chế biến mù Trừ Văn Thố	- Quyết định thuê đất số 1920/QĐ-UBND ngày 08/08/2013 của UBND tỉnh Bình Dương - Quyết định thuê đất số 2032/QĐ-UBND ngày 14/07/2011 của UBND tỉnh Bình Dương - Giấy CNQSDĐ số BO 635994 ngày 27/09/2013 - Giấy CNQSDĐ số BH 732037 ngày 13/12/2011 - Giấy CNQSDĐ số BH 732038 ngày 13/12/2011	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất làm Nhà máy chế biến mù Trừ Văn Thố
PHẦN II	Diện tích đất ở tỉnh Bình Phước	54.124.947,7				

A	Diện tích đất phi nông nghiệp đã cấp GCNQSD đất - Tiếp tục sử dụng	390.652,2	Văn phòng trung tâm Công ty	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số AC367716 ngày 22/09/2006	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng trung tâm Công ty
1	Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	34.331,0	Văn phòng trung tâm Công ty	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số AC367716 ngày 22/09/2006	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng trung tâm Công ty
2	Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	16.891,0	Văn phòng Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số AC367715 ngày 22/09/2006	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Nông trường Nha Bích
3	Xã Nghĩa Trung, Huyện Bù Đăng	22.959,0	Văn phòng Nông trường Nghĩa Trung	- Quyết định thuê đất số 1098/QĐ-UBND ngày 30/06/1999 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số K709530 ngày 30/06/1999	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Nông lâm trường Nghĩa Trung
4	Xã Nghĩa Trung, Huyện Bù Đăng	283.804,4	Nhà máy chế biến mù Nghĩa Trung	- Quyết định thuê đất số 2635/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước Giấy CNQSDĐ số BI 285397 ngày 27/12/2013	Thuê đất trả tiền hàng năm	Nhà máy chế biến mù Nghĩa Trung
5	Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	608,8	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số AC367713 ngày 22/09/2006	Thuê đất trả tiền hàng năm	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích
6	Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	4.136,0	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuê đất trả tiền hàng năm	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích

100464-C
GTY
MTV
U
PHUOC

II	Diện tích đất chưa cấp GCNQSD đất - Tiếp tục sử dụng	34.956.034,9					
1	Xã Tân Thành, Thị Xã Đồng Xoài	30.253,4	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1742/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	
2	Thị trấn Tân Phú Huyện Đồng Phú	804.096,9	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1742/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	
3	Xã Tiến Hưng Thị Xã Đồng Xoài	418.754,2	Đất rừng trồng Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 2151/QĐ-UBND ngày 30/08/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất rừng trồng Nông trường Nha Bích	
4	Xã Minh Thành Huyện Chơn Thành	233.808,4	Rừng đầu nguồn Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1764/QĐ-UBND ngày 27/08/2008 của UBND tỉnh Bình Phước - Đã đo đạc xong	Thuế đất trả tiền hàng năm	Rừng đầu nguồn Nông trường Nha Bích	
5	Xã Nha Bích Huyện Chơn Thành	40.000,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	
6	Xã Minh Thắng Huyện Chơn Thành	180.467,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	
7	Xã Minh Lập Huyện Chơn Thành	115.380,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	
8	Xã Lộc Hòa Huyện Lộc Ninh	406.800,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thanh	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thanh	

9	Xã Lộc Tấn Huyện Lộc Ninh	2.000.500,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành
10	Xã Lộc An Huyện Lộc Ninh	154.500,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành
11	Xã Lộc Hòa Huyện Lộc Ninh	3.446.000,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành
12	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	194.900,0	Đất trồng cây keo Nông trường Lộc Thành	Trồng cây keo trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cây keo Nông trường Lộc Thành
13	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	20.000,0	Đất trụ sở Nông trường Lộc Thành	Đất trụ sở Nông trường Lộc Thành Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trụ sở Nông trường Lộc Thành
14	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	344.400,0	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý
15	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	4.404.300,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành
16	Xã Lộc Thành Huyện Lộc Ninh	578.400,0	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất không trồng được cao su Nông trường Lộc Thành tiếp tục quản lý
17	Xã Lộc Thịnh Huyện Lộc Ninh	793.000,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành

18	Xã Nghĩa Trung Huyện Bù Đăng	10.085.100,0	Đất trồng cao su Nông lâm trường Nghĩa Trung	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm móc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông lâm trường Nghĩa Trung
19	Xã Nghĩa Trung Huyện Bù Đăng	42.500,0	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm móc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung
20	Xã Thống Nhất Huyện Bù Đăng	2.686.000,0	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm móc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung
21	Xã Đăng Hà Huyện Bù Đăng	4.509.000,0	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm móc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất rừng trồng Nông lâm trường Nghĩa Trung
22	Xã Phước Thiện Huyện Bù Đốp	3.445.875,0	Đất trồng cao su Nông lâm trường Bù Đốp	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm móc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông lâm trường Bù Đốp
23	Xã Phước Thiện huyện Bù Đốp	22.000,0	Văn phòng Nông lâm trường Bù Đốp	Xí nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cắm mốc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Nông lâm trường Bù Đốp
	TỔNG CỘNG	54.196.985,4				

Nguồn: Soruco

10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm trước cổ phần hóa

10.1. Sản phẩm kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là: trồng cây cao su, trồng cây lâu năm khác, đại lý thu mua cao su tiểu điền, trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác gỗ, khai thác lâm sản trừ gỗ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Sản phẩm chủ lực hiện nay là mủ cao su thành phẩm SVR 3L mang thương hiệu SORUCO, sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 trên hệ thống dây chuyền sản xuất của GOLSTAR - Malaysia. Sản phẩm có chất lượng tốt được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng và được tặng nhiều giải thưởng như: Nhân hiệu cạnh tranh nổi tiếng, Giải thưởng chất lượng năm 2006; Cúp vàng ISO năm 2007, năm 2008; Sản phẩm chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2008, Cúp vàng nông nghiệp 2009, Cúp tinh hoa Việt Nam 2009; Cúp vàng thương hiệu việt WTO 2010. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và ISO/IEC 17025:2005.

10.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi Nông trường và thu mua tiểu điền, việc thu mua tiểu điền để tận dụng hết công suất nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm người lao động. Nguồn nguyên liệu chủ yếu sản lượng vườn cây cao su Công ty đang quản lý nên rất ổn định, tuy nhiên vườn cây khai thác Nông trường Nha Bích đã già cỗi, diện tích khai thác giảm do bàn giao mặt bằng làm Khu công nghiệp, một số vườn cây mới đưa vào khai thác nên năng suất còn thấp. Sản lượng đầu vào đưa vào chế biến từ năm 2014 đến 2016 như sau:

Bảng 9: Sản lượng mủ 2014-2017

Đơn vị tính: tấn

Danh Mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng diện tích vườn cây khai thác (ha)	1.965,26	2.602,29	2.405,64	2.887,53
Tổng sản lượng mủ khai thác (tấn)	3.167,5	3.390	2.778	3.489
Tổng sản lượng thu mua tiểu điền (tấn)	2.326	1.406	1.668	2.182

Nguồn: Công ty

Theo thống kê những năm gần đây thì tỷ lệ mủ Công ty khai thác chiếm khoảng trên 65%, mủ thu mua tiểu điền chiếm khoảng 35%.

Nguồn nguyên vật liệu nhìn chung đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và ổn định. Tuy nhiên, sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải đảm bảo không bị lỗ và việc tồn kho lâu sẽ dẫn đến rủi ro làm tăng giá thành trong khi giá bán thấp.

10.3. Thị trường của Công ty

Về thị trường

Sản phẩm của Công ty được bán thị trường trong nước và nước ngoài, trong đó phần lớn là bán trong nước bình quân chiếm khoảng 80% còn lại là bán xuất khẩu.

Công ty đang tìm kiếm thêm các thị trường mới, đặc biệt là các thị trường có nhiều khách hàng đã từng giao dịch nhưng chưa có cơ hội mua bán với Công ty thông qua hội nghị khách hàng của Hiệp hội Cao su Việt Nam.

Về yếu tố cạnh tranh

Đối với thị trường trong nước: đối thủ cạnh tranh của Công ty là các công ty tư nhân, chủ yếu thu mua mủ tiểu điền và bán các sản phẩm như SVR 3L... Đặc điểm của nhóm này là mô hình quản trị nhỏ gọn, linh động trong chính sách giá thu mua, chính sách đối với khách hàng vì vậy tạo áp lực cạnh tranh rất lớn trong thu mua nguồn nguyên liệu mủ tiểu điền.

Đối với thị trường quốc tế: các đối thủ cạnh tranh đến từ các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonexia, Ấn Độ... Đặc điểm của nhóm này là giá cả, chất lượng, có nhiều kinh nghiệm trong khai thác, sản xuất cao su, trình độ công nghệ sản xuất tốt, có đầu ra ổn định.

10.4. Chi phí

Cơ cấu chi phí và tỷ trọng chi phí của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé giai đoạn năm 2014 – 2017 như sau:

Bảng 10: Chi phí giai đoạn 2014 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu chi phí	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	201.479	87,9	150.543	83,1	204.927	82,0	144.091	48,7
Chi phí tài chính	1.945	0,8	2.519	1,4	3.613	1,4	3.863	1,3
Chi phí bán hàng	1.208	0,5	66	0,0	130	0,1	106	0,1
Chi phí quản lý	14.796	6,5	13.998	7,7	18.798	7,5	17.802	0,6
Chi phí khác	9.801	4,3	14.231	7,8	22.414	9,0	130.079	0,43
Tổng cộng	229.229	100	181.357	100	249.882	100	295,941	100

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016 và 2017 đã kiểm toán của Soruco

10.5. Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác

Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé trong giai đoạn năm 2014 - 2017 như sau:

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	217.987	94,5	167.257	91,0	223.224	54,6	160.823	27,7
Doanh thu tài chính	2.366	1,0	540	0,3	5.079	1,2	6.849	1,2
Thu nhập khác	10.351	4,5	15.888	8,7	180.463	44,2	412.682	71,1
Tổng cộng	230.704	100	183.195	100	408.766	100	408.766	100

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2014 - 2017 đã kiểm toán độc lập.

10.6. Kết quả sản xuất kinh doanh

Bảng 12: Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.987	167.257	223.224	160.823
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.508	13.645	18.297	16.732
Doanh thu hoạt động tài chính	2.366	540	5.079	6.849
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	924	(2.124)	836	1.809
Thu nhập khác	10.351	15.888	180.463	412.682
Lợi nhuận khác	550	4.862	158.049	282.603
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.475	2.737	158.885	284.412
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	911	1.587	126.548	223.613

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 2017 của Công ty

Trong năm 2016, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng đột biến. Tổng doanh thu và thu nhập khác: 408 tỷ đồng, đạt 272% so với kế hoạch năm là 150 tỷ. Trong đó: Doanh thu mủ cao su là 166 tỷ đồng (kế hoạch 125 tỷ đồng) đạt 132,8%; doanh thu thu phí là 28,790 tỷ đồng; doanh thu cáp treo là 1,184 tỷ đồng; thu nhập khác là 212,695 tỷ đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 158 tỷ đồng đạt 15.800% (chủ yếu do thu nhập khác và bán thanh lý cây cao su), trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 1,149 tỷ đồng đạt 114,9% so với kế hoạch.

Các khoản nộp ngân sách nhà nước: 73,357 tỷ đồng đạt 1.040,5% (kế hoạch 7,050 tỷ đồng).

Các khoản thu chi thực hiện đúng theo chế độ quy định của nhà nước. Nguồn vốn sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Các nghiệp vụ tài chính như công nợ, thanh toán, quyết toán được thực hiện tốt.

Bảng 13: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2014-2017

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,82	1,26	0,60	0,89
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,49	0,34	0,48	0,64
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,18	0,04	0,36	0,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,63	39,58	42,41	35,10
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	63,45	66,01	73,99	54,30
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	2,55	1,86	6,68	2,07
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	31,54	23,91	22,50	12,71
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,42	0,57	56,69	139,04
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,22	0,23	22,25	27,34
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,13	0,14	12,75	17,67

Nguồn: Công ty

10.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi

Các chính sách đổi mới của nhà nước trong công tác quản lý đầu tư, tín dụng ngày càng thông thoáng tạo điều kiện cho Công ty đầu tư nâng cao năng lực về vốn và thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất để nhanh chóng thích ứng khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn với khu vực và quốc tế.

Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Cán bộ, công nhân viên Công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.

Về nguồn nhân lực, đời sống văn hoá, môi trường xã hội: Hàng năm, lãnh đạo các cấp thường xuyên tạo điều kiện khám chữa bệnh tốt hơn cho cán bộ công nhân viên. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng được nâng cao nên họ rất phấn khởi, yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty. Cán bộ công nhân viên ngày càng đoàn kết, không ngừng nỗ lực phấn đấu, chủ động sáng tạo, giành được nhiều thành tích to lớn.

Sự phát triển vùng chuyên canh cao su luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển các khu vực hành chính địa phương. Do vậy, luôn có mối quan hệ gắn kết truyền thống giữa Công ty và địa phương, khu vực. Nguồn nhân lực của Công ty có truyền thống lâu dài, suốt cả trong thời kỳ Pháp thuộc đến nay. Truyền thống công nhân cao su, mối quan hệ gắn bó với địa phương, vai trò của các tổ chức quần chúng, xã hội...là những thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực.

Về yếu tố tự nhiên: Vùng sinh thái miền Đông Nam bộ có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình khá bằng phẳng, độ dốc không lớn, độ cao trung bình dưới 100m so mặt nước biển...đã tạo ra một khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây cao su với quy mô lớn.

Về công nghệ: Những công nghệ trong ngành sinh học, về lĩnh vực giống cây, kỹ thuật canh tác; những công nghệ hóa sinh, lý sinh kích thích gia tăng cường độ tiết mủ... làm tăng năng suất vườn cây, cả về khai thác mủ lẫn nguồn gỗ cao su.

Công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài với các khách hàng truyền thống, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường sang các nước trong khu vực cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các công ty để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị thi công.

Với những kết quả của Công ty đã đạt được trong suốt những năm gần đây, đồng thời được sự hỗ trợ và chỉ đạo của Công ty cùng các cơ quan, ban, ngành từ trung ương tới địa phương, lãnh đạo Công ty đoàn kết khắc phục những khó khăn, quyết tâm đổi mới, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, đường lối chủ trương của nhà nước.



Khó khăn

Tác động của sự biến động tỷ giá: Chiến lược tiêu thụ của ngành cao su Việt Nam, cũng như của Công ty là chiến lược hướng đến xuất khẩu, biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược này theo 2 hướng: nếu tỷ giá tăng chiến lược xuất khẩu sản phẩm sẽ có lợi, thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động và ngược lại. Xu hướng tỷ giá tăng hiện nay sẽ có tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sự biến động giá dầu mỏ trên thị trường thế giới: có tác động đến ngành cao su, khi giá dầu giảm dẫn đến giá dầu vào của cao su nhân tạo giảm xuống làm nhu cầu của loại nguyên liệu này tăng lên, người mua có xu hướng chuyển sang sản phẩm từ cao su thiên nhiên sang cao su nhân tạo. Hệ quả tất yếu nhu cầu giảm sẽ làm giá cao su thiên nhiên giảm theo, tác động bất lợi cho việc phát triển sản xuất kinh doanh ngành cao su.

Về yếu tố khí hậu: Diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là tác nhân phát triển các loại nấm phấn trắng, nấm hồng,... trên cây cao su, làm giảm chất lượng vườn cây cao su.

Về mặt môi trường văn hoá - xã hội tại địa phương: môi trường văn hoá - xã hội tốt không những bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, mà còn giảm thiểu vấn nạn trộm cắp mủ, chặt phá vườn cây cao su. Tuy nhiên, trên địa bàn của Công ty một số nơi thu nhập của người dân không cao, nghề nghiệp không ổn định, tình trạng chặt phá cao su, ăn cắp mủ vẫn là tệ nạn cần được chú trọng để bảo vệ thành quả sản xuất kinh doanh.

Công nghệ các ngành công nghiệp sử dụng cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: xăm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp cao su trong nước chậm phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng, thuận lợi trong vận chuyển, kho bãi... Điều này đã hạn chế khả năng phát triển các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su.

10.8. Năng lực sản xuất chế biến và trình độ công nghệ máy móc thiết bị

Công ty có 2 Nông trường, 2 Nông lâm trường, quản lý diện tích cao su và diện tích rừng (rừng trồng và rừng tự nhiên) là 12.170,344 ha, 01 Nhà máy chế biến mủ công suất 6.000 tấn/năm, 1 Xí nghiệp cáp treo bà rá hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, 1 Xí nghiệp thu phí hoạt động khai thác giao thông theo dự án BOT, 7 phòng nghiệp vụ đứng chân trên nhiều địa bàn trải dài từ thị xã Phước Long, huyện Bù Đăng, huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành, huyện Lộc Ninh, huyện Bù Đốp và xã Trù Văn Thố huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương.

Bảng 14: Sản lượng mủ chế biến 2014-2017

Danh mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Sản lượng mủ chế biến thành phẩm (tấn)	5.354,39	4.134,43	3.994,22	5.672,43
Sản lượng mủ thành phẩm bán ra (tấn)	6.108,00	3.725,93	5.286,37	4.273,77
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	36,31	29,65	29,15	35,95

Nguồn: Công ty

10.9. Hoạt động marketing

Giới thiệu thông tin về sản phẩm thông qua website của Công ty, thường xuyên cập nhật thông tin trên website; Công ty đã tham gia hoạt động quảng cáo trên các báo và tạp chí, trên mạng Internet và tham dự giải thưởng của các tổ chức, đơn vị trong nước; Đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi hội thảo; Thiết kế brochure, đăng báo quảng cáo sản phẩm; Gửi thư chào hàng qua email, gửi mẫu.

10.10. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Về nghiên cứu cải tiến công nghệ: Công ty luôn chú trọng và có chính sách cho hoạt động này như đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất. Hàng năm, Công ty đều có chương trình nghiên cứu áp dụng cải tiến máy móc thiết bị ở từng công đoạn và bộ phận khác nhau của dây chuyền sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, tiết giảm nhiên liệu, điện năng, giảm thất thoát, tăng chất lượng sản phẩm. Một số đề tài nghiên cứu ứng dụng cải tiến đã được thực hiện thành công. Ưu điểm của những công nghệ mới đã ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực như: Tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ; Tiết kiệm năng lượng điện sử dụng, giảm công lao động, năng suất tăng lên; Thành tích đạt được nhờ công nghệ mới đem lại là chất lượng sản phẩm được nâng lên, sản phẩm làm ra luôn phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004; Năng suất lao động tăng lên và tiết kiệm được chi phí sản xuất như: nhiên liệu, năng lượng, công lao động...đã góp phần làm giảm giá thành sản xuất.

10.11. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm mủ cao su của Công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Việt Nam:

TCCS 101:2002 - Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 3L.

TCCS 102:2002 - Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR 10, SVR 20 từ mủ phụ.

TCCS 103:2002 - Quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su SVR CV50, SVR CV60.

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đảm bảo mủ thành phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng mủ cao su Việt Nam TCVN 3769:2016. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đã nâng cao nhận thức về chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và kỹ năng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, ổn định và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm thoả mãn ngày càng cao hơn nhu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng

Quy trình sản xuất các loại sản phẩm của Công ty dựa theo quy trình công nghệ chuẩn chế biến cao su của Việt Nam.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện xuyên suốt cả quá trình từ khâu khai thác mủ tại vườn cây, vận chuyển mủ về nhà máy cho đến khâu chế biến, bảo quản, lưu kho.

Công ty có quy định nghiêm ngặt về quản lý chất lượng mủ nguyên liệu từ vườn cây về nhà máy, đảm bảo không có lẫn tạp chất đối với tất cả các loại mủ nước, mủ tạp, mủ đông...

Đối với công nhân cạo mủ có trách nhiệm khai thác, bảo quản và giao nộp mủ đạt chất lượng, tuyệt đối không có lẫn tạp chất trong mủ. Tổ trưởng sản xuất có trách nhiệm kiểm tra và nhắc nhở công nhân thực hiện tốt khâu vệ sinh tất cả dụng cụ cạo mủ như thùng đựng mủ, chén, máng hứng mủ...

Đối với công nhân nhà máy có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ các hồ, mương tiếp nhận, nền xưởng, máy móc thiết bị... và thực hiện đúng quy trình chế biến đối với từng loại sản phẩm.

Trong quá trình chế biến, nhà máy cùng với Phòng quản lý chất lượng đã kiểm soát chặt toàn bộ quá trình từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến thành phẩm.

Đối với quy trình chế biến mủ cao su SVR, kiểm tra chất lượng nguyên liệu mủ, kiểm soát xử lý đánh đông, vô thùng, nhiệt độ sấy, thời gian sấy, trọng lượng bành mủ, quy cách đóng gói bao bì, phân lô lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất bản, tro, bay hơi, nitơ, Po, PRI, màu, độ nhớt Mooney theo quy định. Quy trình kiểm tra chất lượng được thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN 17025, Phòng quản lý chất lượng đã được cấp dấu VILLAS.

10.12. Thuế và nộp ngân sách nhà nước

Nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh đó Công ty thực hiện tốt việc trích nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác cho người lao động đầy đủ theo luật định.

10.13. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay, logo của Công ty được sử dụng như sau:



11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá:

11.1 Dự báo giá cao su

Theo nhận định tại Bản tin Thị trường nông, lâm, thủy sản số 6 phát hành trong tháng 1/2018 của Bộ Công thương, giá cao su đang có nhiều trợ lực để cải thiện trong thời gian tới. Lý do, cung hạn chế và cầu cải thiện nhờ nhu cầu từ Trung Quốc cao, tình hình kinh tế có xu hướng tốt lên trong thời gian qua.

Trên thực tế, trong nửa đầu tháng 12/2017, giá cao su thế giới biến động theo chiều hướng tăng. Tại Nhật Bản, kết thúc phiên giao dịch ngày 14/12/2017, giá cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Tocom tăng 4,1% so với cuối tháng 11/2017, đạt 197,1 JPY/kg. Giá cao su thiên nhiên giao kỳ hạn tháng 1/2018 trên sàn giao dịch Thượng Hải (Trung Quốc) tăng 295 NDT/tấn so với cuối tháng 11/2017, lên mức 13.800 NDT/tấn...

Giá cao su được hỗ trợ bởi thông tin các quốc gia sản xuất cao su hàng đầu châu Á gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia (chiếm gần 70% cao su tự nhiên của thế giới) thống nhất sẽ giảm khối lượng xuất khẩu cao su tự nhiên kể từ giữa tháng 12/2017. Đây là lần thứ 5 kể từ năm 2012 đến nay, Hội đồng Cao su quốc tế ba bên (ITRC) đồng ý triển khai kế hoạch giải cứu giá cao su. Trong cuộc họp năm ngoái, ITRC đã cắt giảm 615.000 tấn cao su nhằm ổn định giá.

Để thực hiện thỏa thuận, Chính phủ Thái Lan sẽ đẩy mạnh hoạt động mua vào lên đến 50-80 nghìn tấn/năm từ mức hiện tại 20-30 nghìn tấn. Với động thái này, Bộ Nông nghiệp Thái Lan đặt mục tiêu đẩy giá cao su lên trên giá thành sản xuất, đạt 51,28 Baht/kg, tương đương 1,57 USD/kg.

Với Việt Nam, tính riêng tháng 11/2017, giá xuất khẩu cao su giảm 4,6% so với tháng 10/2017 và giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt bình quân 1.465 USD/tấn (giá bình quân 11 tháng năm 2017 vẫn tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 1.654 USD/tấn). Tuy nhiên, giá mủ cao su hiện cũng đang có chiều hướng tăng so với đầu tháng 12/2017. So với những ngày đầu tháng, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tăng nhẹ.

Thị trường có ảnh hưởng lớn nhất đến xuất khẩu cao su của Việt Nam là Trung Quốc. Trong 11 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường tiêu thụ cao su của Việt Nam với khối lượng đạt 785,8 nghìn tấn, trị giá đạt 1,28 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và tăng 39% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Đáng chú ý, Trung Quốc chiếm tới 64% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam, tăng so với tỷ trọng 62% của cùng kỳ năm 2016.

Theo Trung tâm Thông tin Hải quan Trung Quốc trong 10 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 15,45 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng

58,8% so với cùng kỳ năm 2016. 10 tháng năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 7,8%, cao hơn so với mức 7,2% của tháng 10 tháng năm 2016.

Thời gian qua, do trên thị trường giao dịch kỳ hạn chênh lệch giá giữa các hợp đồng giao kỳ hạn ngắn với các hợp đồng giao kỳ hạn dài đang rất rộng, điều này thúc đẩy lượng nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu cao su cho hoạt động sản xuất lốp của các nhà máy Trung Quốc cũng đã tăng, tỷ lệ vận hành của các nhà máy bình quân đạt công suất 65,13%. Đồng thời, tỷ giá đồng nhân dân tệ so với USD cũng tăng mạnh từ cuối tháng 8/2017 đến nay, khiến cho hàng hóa nhập khẩu trở nên rẻ hơn. Thời gian tới, xuất khẩu cao su dự báo sẽ tiếp tục thuận lợi.



11.2 Kế hoạch sản lượng của Công ty giai đoạn 2018 -2022

Bảng 15: Kế hoạch sản lượng sau cổ phần hóa

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	ĐV tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Diện tích	ha	4.998,27	4.998,27	4.998,27	4.998,27	4.998,27	
1.1	Diện tích cao su khai thác và chăm sóc	ha	4.998,27	4.468,69	4.468,69	4.468,69	4.468,69	
	- Diện tích cao su khai thác	ha	3.483,10	3.834,23	3.757,58	3.643,30	3.774,12	
	- Diện tích cao su KTCB	ha	1.390,30	505,81	606,34	711,11	694,57	
	- Diện tích cao su thanh lý tái canh	ha	124,87	128,65	104,77	114,28	0,00	
1.2	Diện tích chuyển đổi mục đích	ha	0,00	529,58	529,58	529,58	529,58	
2	Năng suất	tấn/ha	1,26	1,28	1,57	1,79	1,87	
3	Sản lượng							
	- Cao su khai thác	tấn	4.377	4.900	5.900	6.510	7.050	
	- Cao su thu mua ngoài	tấn	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
4	Cao su chế biến	tấn	6.077	6.700	7.700	8.310	8.850	
5	Cao su tồn kho đầu kỳ	tấn	2.431	4.008	4.708	5.408	5.718	
6	Cao su tiêu thụ trong kỳ	tấn	4.500	6.000	7.000	8.000	9.000	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

	- Xuất khẩu	tấn	900	1.200	1.400	1.600	1.800	
	- Nội địa	tấn	3.600	4.800	5.600	6.400	7.200	
7	Cao su tồn kho cuối kỳ	tấn	4.008	4.708	5.408	5.718	5.568	
8	Giá bán bình quân	1000 đồng	36.250	36.250	36.250	36.250	36.250	
	- Xuất khẩu	1000 đồng	37.500	37.500	37.500	37.500	37.500	
	- Nội địa	1000 đồng	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	

Nguồn: Công ty

11.3 Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận giai đoạn 2018 -2022

Bảng 16: Kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	ĐV tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
I	Tổng doanh thu	triệu đồng	249.000,00	241.000,00	253.000,00	265.000,00	277.000,00	
1	Mủ cao su	triệu đồng	157.000,00	169.000,00	181.000,00	193.000,00	205.000,00	
2	Hoạt động tài chính	triệu đồng	2.000,00	2.000,00	2.000,00	2.000,00	2.000,00	
3	Thu nhập khác	triệu đồng	90.000,00	70.000,00	70.000,00	70.000,00	70.000,00	
II	Tổng chi phí	triệu đồng	209.000,00	197.000,00	208.000,00	219.000,00	230.000,00	
1	Mủ cao su	triệu đồng	150.000,00	161.000,00	172.000,00	183.000,00	194.000,00	

2	Hoạt động tài chính	triệu đồng	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00
3	Chi phí khác	triệu đồng	58.000,00	35.000,00	35.000,00	35.000,00	35.000,00
III	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	40.000,00	44.000,00	45.000,00	46.000,00	47.000,00
1	Mũ cao su	triệu đồng	7.000,00	8.000,00	9.000,00	10.000,00	11.000,00
2	Hoạt động tài chính	triệu đồng	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00
3	Hoạt động khác	triệu đồng	32.000,00	35.000,00	35.000,00	35.000,00	35.000,00
IV	Thuế phát sinh phải nộp	triệu đồng	20.000,00	18.000,00	18.000,00	18.000,00	18.000,00
1	Thuế GTGT	triệu đồng	6.500,00	7.000,00	7.000,00	7.000,00	7.000,00
2	Thuế TNDN 20%	triệu đồng	8.000,00	8.800,00	9.000,00	9.200,00	9.400,00
3	Thuế, phí phải nộp khác	triệu đồng	5.500,00	2.200,00	2.000,00	1.800,00	1.600,00
V	Phân phối lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	32.000,00	35.200,00	36.000,00	36.800,00	37.600,00
1	Dự kiến trích các quỹ 70%	triệu đồng	x	x	x	x	x
	- Trích Quỹ DTPT 30%	triệu đồng	9.600,00	10.560,00	10.800,00	11.040,00	11.280,00
	- Trích Quỹ KTPL 30%	triệu đồng	9.600,00	10.560,00	10.800,00	11.040,00	11.280,00
	- Trích Quỹ Người QLDN 10%	triệu đồng	3.200,00	3.520,00	3.600,00	3.680,00	3.760,00
2	Dự kiến tỷ lệ, số tiền chia cổ tức	triệu đồng					
	- Tỷ lệ chia cổ tức 30%	triệu đồng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

- Số tiền chia cổ tức	triệu đồng	9.600,00	10.560,00	10.800,00	11.040,00	11.280,00
-----------------------	------------	----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Nguồn: Công ty

Thực hiện chuyển đổi cây trồng đối với 529,58 ha cao su ở khu vực Lộc Ninh để thu hồi vốn đã đầu tư nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động, giảm áp lực về nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho Công ty cổ phần.

Thực hiện thoái vốn đã đầu tư góp vốn 48.910.637.199 đồng tại Công ty cổ phần BOT quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư, giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động, giảm áp lực về nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho Công ty cổ phần.

11.4 Giải pháp thực hiện

Nhóm giải pháp về thi trường và sản phẩm

- Về tiếp thị

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý. Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.
- củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

- Về sản phẩm, thị trường

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng

- **Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm**

- Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.
- Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV và latex để cải thiện giá bán và mở rộng thị trường.
- Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

 Nhóm giải pháp về vốn, tài chính

❖ **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.

- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.
- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

❖ **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, sát nhập các nông trường, trung tâm có quy mô nhỏ để tinh gọn bộ máy, giảm chi phí quản lý.
- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chồng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.
- Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.
- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

✚ **Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ**

- Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.
- Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chỉ tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến.

➤ Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

• Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

Về phân công lao động hợp lý:

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

- Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng, ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao; sau đó thực hiện việc định biên nhân sự tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

- **Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự**

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.

- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- **Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.

- **Thu hút và sử dụng nhân tài**

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty

- Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.
- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển;

người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, tiến sĩ tuổi đời dưới 35, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

• **Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty**

- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.
- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.
- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:
 - Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
 - Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.

Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

✚ **Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

❖ **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
 - Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Quan hệ nội bộ Công ty.
 - Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
 - Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**
- Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:
 - Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
 - Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
 - Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
 - Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.

- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty ...

✚ **Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Cổ phần hóa Công ty để hình thành công ty đa sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực quản trị và tài chính.

Tái cơ cấu sản xuất đối với một số lĩnh vực hiệu quả thấp.

Huy động và thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Công ty, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý, gắn bó với Công ty, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý Công ty, làm cho Công ty tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.

Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động của hệ thống sản xuất kinh doanh Công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Bình Phước, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé là "Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ".

4. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Tên tiếng Anh: Song Be Rubber Joint Stock Company
- Tên giao dịch: SORUCO

- Trụ sở: Quốc lộ 14, Tổ 8, Ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Điện thoại: (0271) 3667249
- Fax: (0271) 3667260
- Website: www.caosusongbe.vn
- Logo:



5. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa, sau cổ phần hóa, các ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125 (chính)
2	Trồng cây lâu năm khác	0129
3	Trồng cây hàng năm khác	0119
4	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng gỗ nguyên sinh	2013
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn cao su, phân bón, hóa chất, chất dẻo dạng nguyên sinh, tơ, xơ, sợi dệt, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại).	4669

7. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

✚ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

✚ **Thư ký Hội đồng quản trị**

01 người do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm.

✚ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

✚ **Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc.

✚ **Kế toán trưởng**

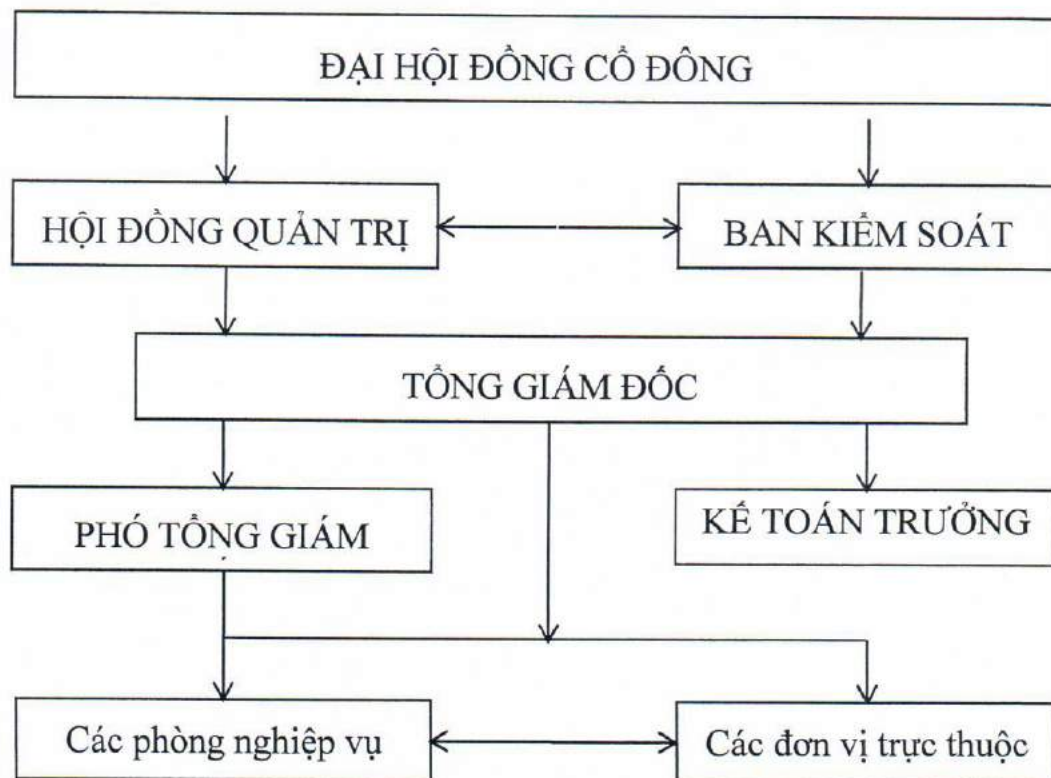
Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

✚ **Bộ máy giúp việc**

Bộ máy giúp việc gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ; Các chi nhánh; Các xí nghiệp.

ĐƠN: 38001
CÔNG
TY TNHH
CÁI
LÂN
SÔNG
THÀNH

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần



Nguồn: Soruco

0046
NG T
H.MT
O SU
G B
- T.BIN

8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

8.1. Vốn điều lệ

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ: ***"b) Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ được xác định bằng giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp và giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu."*** Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, Công ty xác định vốn điều lệ là **1.230.633.000.000 đồng**.

(1) Căn cứ nhu cầu vốn gồm vốn lưu động và vốn đầu tư xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022 cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty:

- Vốn phục vụ cho ngành nghề sản xuất kinh doanh mủ cao su và ngành nghề khác hiện tại 628.127.681.721 đồng.
- Vốn phục vụ cho đầu tư xây dựng mới Nhà máy chế biến mủ Nghĩa Trung 170.000.000.000 đồng.
- Vốn phục vụ cho đầu tư mua vườn cây cao su kinh doanh của Quỹ hỗ trợ an sinh xã hội tỉnh khoảng 332.150.000.000 đồng (tương ứng khoảng 650 ha).
- Vốn phục vụ cho đầu tư sửa chữa lớn Nhà máy chế biến mủ Trừ Văn Thố được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 1998 đến nay đã hết khấu hao và chưa được đại tu sửa chữa lớn lần nào, số tiền khoảng 100.355.318.279 đồng.

(2) **Giá trị giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp (tại thời điểm ngày 31/12/2017) là 799.500.000.000 đồng, chiếm 64,967% vốn điều lệ bao gồm:**

- Tại thời điểm ngày 01/01/2017 giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp 628.127.681.721 đồng theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.
- Điều chỉnh tăng giá trị phần vốn nhà nước đối với phần trích khấu hao tài sản không cần dùng chờ bàn giao 12.956.291.519 đồng là do: Đơn vị tư vấn loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá phần giá trị còn lại của tài sản này, nhưng theo quy định tài sản không cần dùng chờ bàn giao phải trích khấu hao từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao để bảo toàn vốn nhà nước.
- Điều chỉnh tăng giá trị phần vốn nhà nước đối với phần giá trị còn lại tài sản chờ thanh lý 67.524.293.370 đồng là do: Đơn vị tư vấn loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá phần giá trị còn lại của tài sản này, nhưng theo quy định khi thanh lý và nhượng

bán phải kết chuyển phần giá trị còn lại của tài sản này vào chi phí khác để bảo toàn vốn nhà nước.

- Điều chỉnh tăng giá trị phần vốn nhà nước đối với phần chênh lệch 1.587.174.485 đồng giữa giá trị nguồn kinh phí và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ là 3.318.607.274 đồng so với chi phí quản lý bảo vệ rừng Bù Đốp và Nghĩa Trung là 1.731.432.789 đồng bàn giao sang Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp và Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng (1.587.174.485 đồng = 3.318.607.274 đồng - 1.731.432.789 đồng).

- Điều chỉnh tăng giá trị phần vốn nhà nước đối với số tiền chênh lệch 12.598.855.442 đồng giữa số tiền Công ty xây dựng Bình Phước chuyển sửa chữa định kỳ đường ĐT741 là 33.500.729.712 đồng so với số tiền nộp thay lợi nhuận sau thuế cho Công ty xây dựng Bình Phước là 20.901.874.270 đồng (12.598.855.442 đồng = 33.500.729.712 đồng - 20.901.874.270 đồng).

Điều chỉnh tăng giá trị phần vốn nhà nước là 76.705.703.463 đồng theo Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ: "*Khoản lợi nhuận trích lập vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định và khoản chênh lệch vốn nhà nước tăng từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau khi trừ các khoản chi theo quy định, doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp*" (khoản lợi nhuận trích lập vào quỹ đầu tư phát triển và khoản chênh lệch vốn nhà nước tăng từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần: năm 2017 là 68.180.550.158 đồng, 06 tháng đầu năm 2018 khoảng 15.000.000.000 đồng, trừ giá trị ưu đãi 40% mệnh giá cổ phần bán cho người lao động khoảng 2.337.200.000 đồng, trừ chi phí cổ phần hoá khoảng 952.400.000 đồng, số còn lại phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là 3.185.246.695 đồng).

(3) Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu là 431.133.000.000 đồng, chiếm 35,033% vốn điều lệ.

8.2. Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 1.230.633.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 123.063.300 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn sau cổ phần hóa (2018 – 2020) như sau:

Bảng 17: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2018–2020 dự kiến

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Vốn điều lệ (đồng)	1.230.633.000.000	1.230.633.000.000	1.230.633.000.000

Nguồn: Soruco

9. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông (đối với các cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp, sau khi hết thời gian cam kết sẽ chuyển thành cổ đông phổ thông). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

10. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 36 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ, công nhân viên và người lao động đang làm việc tại Công ty có tên trong danh sách tại thời điểm hiện nay.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đấu giá theo quy định.
- Nhà đầu tư chiến lược: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định "việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ". do Công ty thuộc diện nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nên trong đợt chào bán cổ phần lần này, Công ty đã triển khai bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo trình tự, thủ tục quy định nhưng không có tổ chức, cá nhân nào đăng ký mua.

11. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02/05/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

Bảng 18: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)
1	Cổ đông nhà nước	64,967%	79.950.000	799.500.000.000
2	Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)	1,636%	2.013.300	20.133.000.000
2.1	Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% mệnh giá	0,475%	584.300	5.843.000.000
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp	1,161%	1.429.000	14.290.000.000
3	Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường	23,316%	28.693.670	286.936.700.000
4	Tổ chức công đoàn	0,081%	100.000	1.000.000.000
5	Nhà đầu tư chiến lược	10,000%	12.306.330	123.063.300.000
	Cộng	100,000%	123.063.300	1.230.633.000.000

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 25/06/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, toàn bộ 12.306.330 cổ phần dự kiến chào bán cho nhà đầu tư chiến lược được điều chỉnh chuyển sang bán đấu giá công khai. Như vậy tổng số cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng là **41.000.000** cổ phần tương ứng 33,316% vốn điều lệ của Công ty.

PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

2. Rủi ro về luật pháp

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán của Công ty là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Giá mủ cao su chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, trong khi đó sản phẩm chính của Công ty lại là mủ cao su, nên giảm sự kỳ vọng của các nhà đầu tư.

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

4. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 36 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ, công nhân viên và người lao động đang làm việc tại Công ty có tên trong danh sách tại thời điểm hiện nay.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đấu giá theo quy định.
- Nhà đầu tư chiến lược.

2. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên

2.1. Mục tiêu

Mục tiêu của việc bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

2.2. Quy mô

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động là 2.013.300 cổ phần, tương ứng với 1,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Bao gồm:

Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% mệnh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua:

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 668 người; 118 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 668 người, có 0 người từ chối mua cổ phần này.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của 668 người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 5.843 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 668 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 584.300 cổ phần.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.

- Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) = 6.000 đồng/1 cổ phần.

- Quy định về việc hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.

✦ Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm xác định trị giá doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại Công ty được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, Công ty xây dựng và quyết định các tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua như sau:

- (1) Điều kiện: Độ tuổi Nam từ dưới 55 tuổi Nữ từ dưới 50 tuổi; Có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng; Có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm.

- (2) Cán bộ chủ chốt Công ty (Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng; Trưởng phòng, Giám đốc, Chức danh tương đương Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Chức danh tương đương Phó Trưởng phòng); Chủ tịch Công đoàn cơ sở.

- (3) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty từ 05 năm trở lên.

- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho Công ty là: 637 người; Số cổ phần người lao động đăng ký

mua thêm theo tiêu chuẩn này: 1.274.000 cổ phần (637/668 lao động tạm tính đăng ký 10 năm làm việc tại Công ty).

- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho Công ty là: 31 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 155.000 cổ phần. (31/668 lao động tạm tính đăng ký 10 năm làm việc tại Công ty).

- Giá bán: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá khởi điểm được chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa Công ty được phê duyệt, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.

- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

3. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: **41.000.000** cổ phần, tương đương 33,316% vốn điều lệ của Công ty.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đáp ứng quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

✚ Giá khởi điểm

Giá khởi điểm là 10.000 đồng/1 cổ phần.

4. Phương án xử lý cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

Số cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo đúng quy định nhà nước.

5. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ

phần (Công ty) sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký Công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM trong thời hạn (90) chín mươi ngày. Trong trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết, Công ty sẽ xem xét và có thể thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.



**PHẦN V: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH
VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Nguyễn Văn Trăm

Chức vụ: Trưởng ban Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty
TNHH MTV Cao su Sông Bé.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Cao su Sông Bé

Bà Huỳnh Thị Thuỳ Trang

Chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Ông Nguyễn Đông Dân

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn triển khai tổ chức bán đấu giá

Ông Tống Minh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé cung cấp.

64-C
TY
MTV
SU
BÉ
BÌNH

KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé trước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé.

Trân trọng cảm ơn./.

1
2
3

CÔNG TY TNHH
★
PHƯỚC

Bình Phước, ngày 14 tháng 9 năm 2018

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**



**CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Trăm**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÉ
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Vĩnh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đông Dân

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC**



**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Tống Minh Tuấn**